

Số: 39/2016/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng
và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ Quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng Quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Báo cáo thẩm định số 112/BC-STP ngày 21/7/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của UBND tỉnh, Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh, Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh, Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Website tỉnh, công báo tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5 TDT.



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong công tác lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng, bảo trì, giải quyết sự cố và giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, Ủy ban nhân dân huyện (gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); chủ đầu tư, nhà đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Nam Định.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh quy định tại Mục VI Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ, thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng nằm trong khu công nghiệp.

3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng gồm: Các công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; công

trình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; các công trình sử dụng vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của các công trình theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ trừ các công trình quy định tại Điểm b Khoản này.

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của các công trình theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ trừ các công trình quy định tại Điểm b Khoản này.

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công của các công trình theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

Điều 6. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình bao gồm: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ, công trình tôn giáo và tín ngưỡng cấp III trở lên sử dụng nguồn vốn khác.

2. Thẩm quyền kiểm tra:

a. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này, công trình cấp II nằm trong các Khu công nghiệp, công trình tôn giáo cấp II sử dụng nguồn vốn khác trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và Điểm c Khoản này.

b. Ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp kiểm tra các công trình cấp III, cấp IV quy định tại Khoản 1 Điều này nằm trong các Khu công nghiệp.

c. Ủy quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình cấp IV đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, công trình nhà ở riêng lẻ đến cấp III, công trình tôn giáo và tín ngưỡng cấp III sử dụng nguồn vốn khác.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Nam Định, có trách nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết niên hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 22 Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết niên hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 22 Quy định này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng, Sở Công Thương định kỳ hằng năm trước ngày 01 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng nằm trong các Khu công nghiệp trên địa bàn khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh, quyết toán

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Riêng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán yêu cầu chủ đầu tư chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo Quy định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, XÃ

Điều 11. Phân cấp trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Báo cáo sự cố, giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình quy định tại Điều 24 Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Tổng hợp báo cáo đề Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận thông báo khởi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng năm 2014; kiểm tra giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: Hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình. Ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

4. Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện ngay các biện pháp xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu Phụ lục kèm theo Quy định này), định kỳ 6 tháng 01 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Trong công tác quản lý chất lượng giai đoạn khảo sát xây dựng.

a) Tổ chức thực hiện trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 76 Luật Xây dựng năm 2014; Khoản 3 Điều 13, Khoản 2, Khoản 3 Điều 14, Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

c) Lựa chọn nhà thầu lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Trong công tác quản lý chất lượng giai đoạn thiết kế xây dựng công trình.

a) Tổ chức thực hiện trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

c) Tổ chức thực hiện thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ; Khoản 1, Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

d) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Trong công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình.

a) Tổ chức thực hiện trình tự quản lý chất lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng năm 2014.

c) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Xây dựng năm 2014; Khoản 1, Khoản 2 Điều 5, Khoản 3 Điều 25, Điều 30, Điều 31, Điểm a, Điểm c Khoản 4 Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

4. Trong công tác bảo hành công trình xây dựng.

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 6 Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Yêu cầu các nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành công trình xây dựng, thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

5. Báo cáo sự cố, tham gia giải quyết sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

6. Mua bảo hiểm công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

1. Thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Thực hiện trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13, Khoản 1 Điều 14, Điều 15 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

4. Phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu, phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng đối với công việc khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế

1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm trong quá trình thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Thực hiện trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Lập nhiệm vụ thiết kế khi chủ đầu tư yêu cầu theo nội dung được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

c) Lập Chi dẫn kỹ thuật khi chủ đầu tư yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

d) Quản lý chất lượng công tác thiết kế, quy cách hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

đ) Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

e) Phối hợp với chủ đầu tư giải trình, giải thích thiết kế, dự toán với cơ quan thẩm định thiết kế, dự toán khi có yêu cầu.

4. Thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng đối với công việc thiết kế xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Thực hiện theo các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

4. Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng, quản lý môi trường xây dựng theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

5. Mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường, nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu

1. Quản lý chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 33 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ.

2. Bảo hành chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị do mình cung cấp, lắp đặt theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

Điều 20. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng

1. Nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định.

2. Lập đề cương kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

3. Thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

Chương V

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CHỊU LỰC, BẢO TRÌ, SỰ CỐ, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 21. Trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng trong công tác bảo trì công trình xây dựng; đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn khai thác sử dụng; xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Tổ chức thực hiện trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Lập kế hoạch bảo trì, tổ chức thực hiện bảo trì, quản lý chất lượng công việc bảo trì theo quy định từ Điều 39 đến Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

3. Tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình theo nội dung đánh giá được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

4. Phối hợp với chính quyền cấp xã, cấp huyện xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn sử dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 5 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

5. Thực hiện các công việc đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quy định này để được xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

Điều 22. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình chuyên ngành cấp I, cấp II thuộc phạm vi của Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình còn lại trên địa bàn.

Điều 23. Phân cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố, báo cáo sự cố, hồ sơ sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

2. Giải quyết sự cố, phân cấp trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng:

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

b) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố cấp I, cấp II.

c) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố cấp III. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố.

Điều 24. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Thẩm quyền giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III công trình xây dựng, quy định như sau:

a) Sở Xây dựng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II đối với công trình do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

c) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ, sự cố cấp III đối với các công trình xây dựng trên địa bàn. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố. Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố.

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp thực hiện giám định nguyên nhân sự cố các công trình chuyên ngành.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

Điều 25. Giám sát của nhân dân về chất lượng công trình xây dựng

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình hoặc cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Chủ đầu tư, các cơ quan tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

Công trình xây dựng khởi công trước ngày 01/7/2015, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Công trình xây dựng khởi công sau ngày 01/7/2015, việc kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và Quy định này.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt

vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân nhiều lần vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND
ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Nam Định)

UBND phường (xã, thị trấn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Nam Định, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15/11 hằng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng ...

Thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 14 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số/..../QĐ-UBND của UBND tỉnh, UBND phường (xã, thị trấn) báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng (hoặc một năm) như sau:

| TT | Tên công trình/Địa điểm xây dựng | Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư | Tên chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư | Cấp công trình/Diện tích XD/Tổng diện tích sàn/Số tầng | Giấy phép xây dựng số | Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình | Tên nhà thầu tư vấn thiết kế | Tên nhà thầu TVGS | Tên nhà thầu thi công XD | Ngày, tháng, năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------|----------------------------------|--|--|-----------------------|---|------------------------------|-------------------|--------------------------|---|
| 1 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)